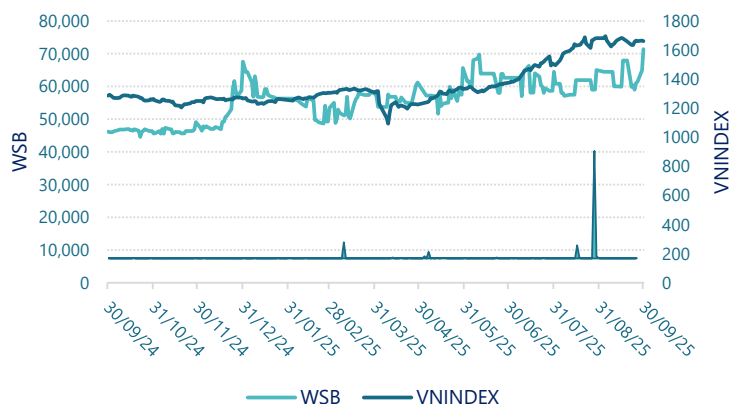


CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây (UPCOM: WSB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	71,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	71,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,577
SL cổ phiếu LH	14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	995
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,035
P/E	10.7
EPS	6,663

DT thuần

Q3/25

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▼78.0 | -27.8%

YoY: ▼4.00 | -1.9%

LN sau thuế

Q3/25

23.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.50 | -29.2%

YoY: ▲ 6.70 | 41.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.6%

+/- YoY: ▲ 3.8%

DT thuần

9T 2025

721

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0 | 2.4%

LN sau thuế

9T 2025

72.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.1 | 23.9%

ROE

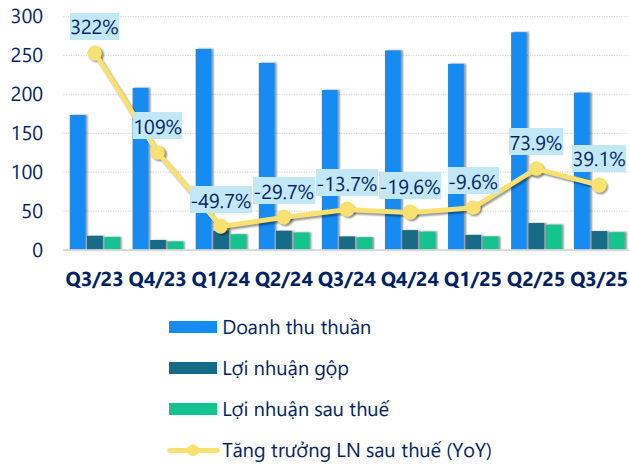
Q3/25

12.3%

+/- YoY: ▲ 3.2%

tỷ VNĐ

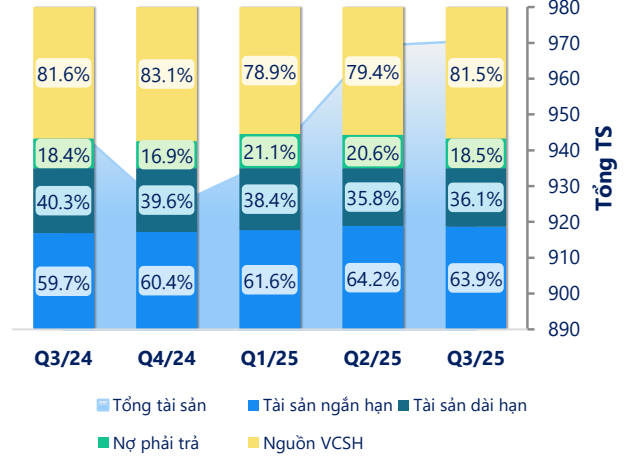
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

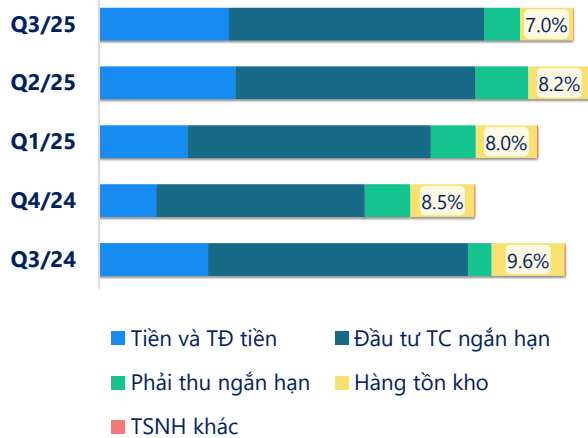
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



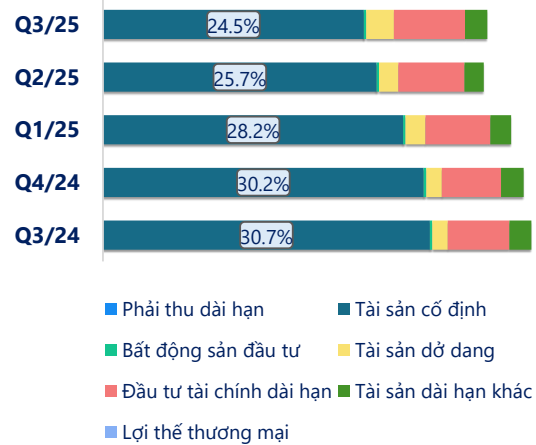
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

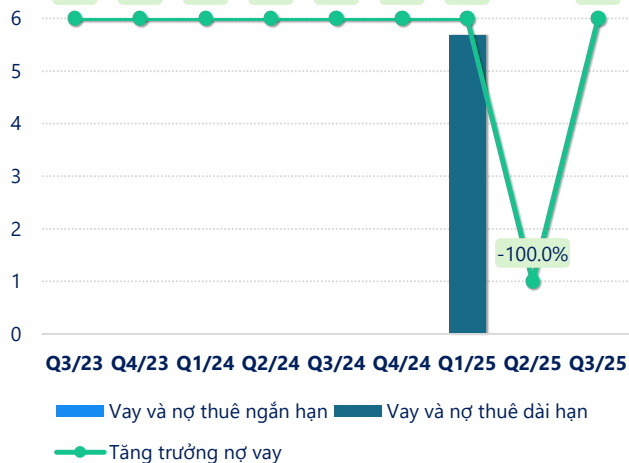
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

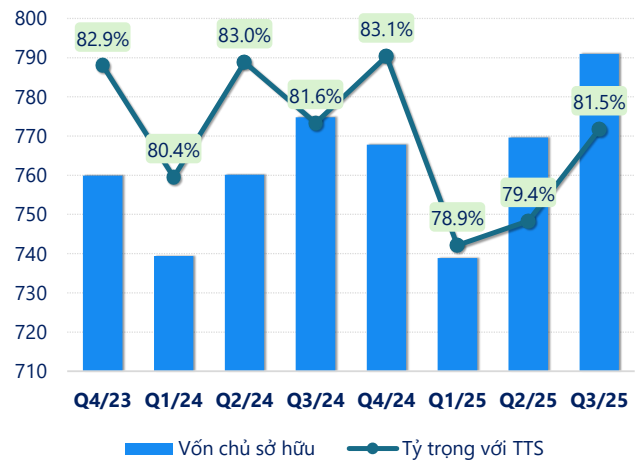
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

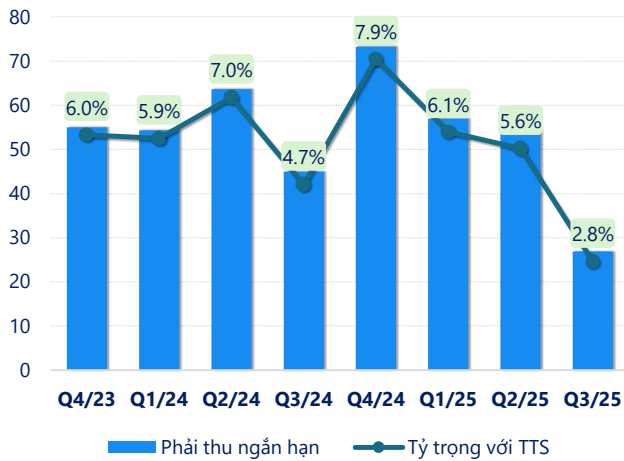
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



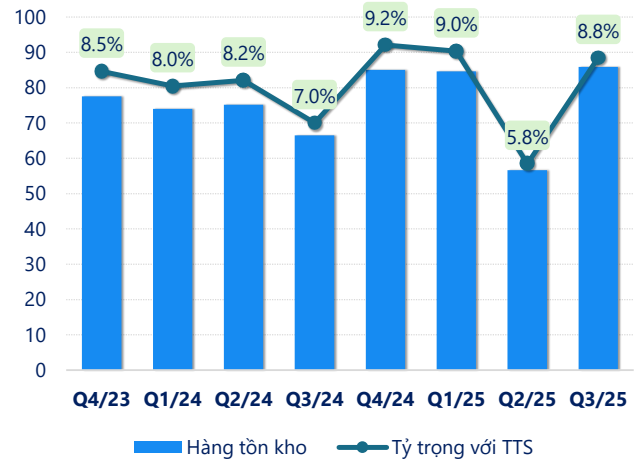
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


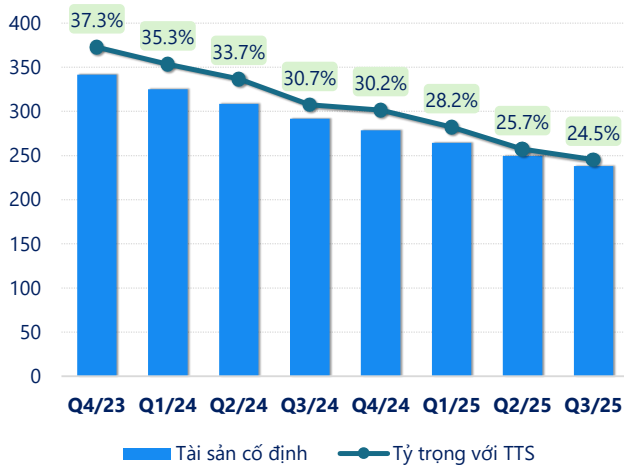
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


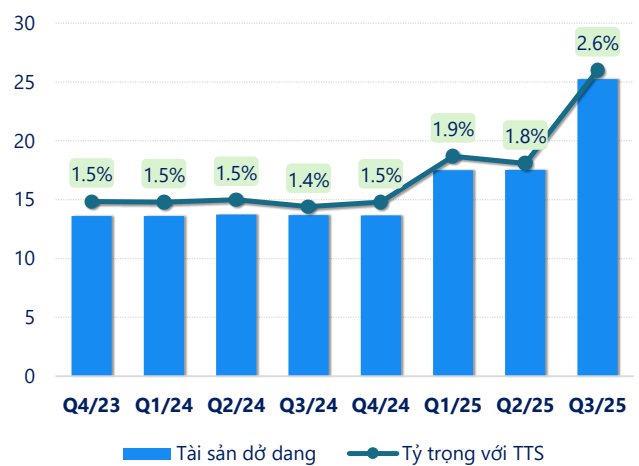
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

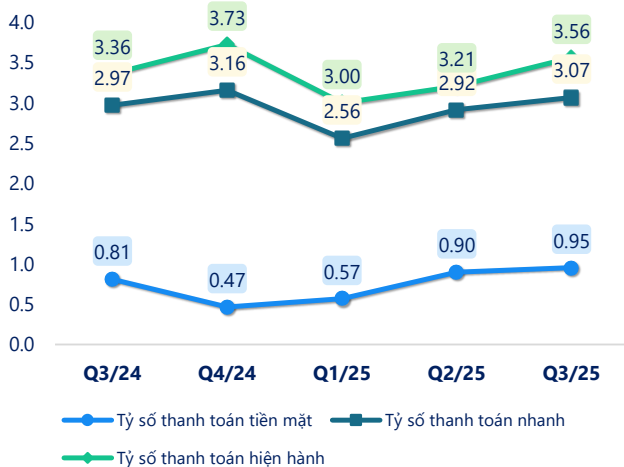
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

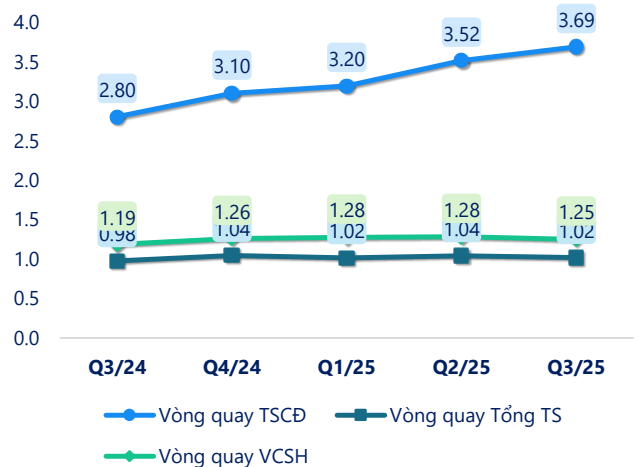
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	949	924	937	969	971
Tài sản ngắn hạn	567	558	577	622	620
Tiền và tương đương tiền	136	69.8	109	174	166
Đầu tư tài chính ngắn hạn	318	329	325	335	340
Phải thu ngắn hạn	44.9	73.3	56.9	54.7	26.9
Hàng tồn kho	66.4	85.1	84.6	56.7	85.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	0.88	1.58	1.75	0.97
Tài sản dài hạn	382	365	360	347	351
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	292	279	265	250	238
Bất động sản đầu tư	2.15	2.11	2.07	2.03	1.99
Tài sản dở dang	13.7	13.7	17.5	17.5	25.2
Đầu tư tài chính dài hạn	55.1	51.3	57.2	60.3	64.9
Tài sản dài hạn khác	19.6	19.7	18.4	17.7	20.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	174	156	198	200	180
Nợ ngắn hạn	168	150	192	194	174
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	14.0	22.6	21.6	13.5	14.0
Nợ dài hạn	5.89	5.89	5.73	5.64	5.64
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	5.68	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	775	768	739	770	791
Vốn chủ sở hữu	775	768	739	770	791
Vốn điều lệ	145	145	145	145	145
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)